

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 27-8-2020

“Về việc xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân: 1- Ông Phan Văn Kinh.
2- Ông Phạm Quốc Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hương, Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thường Ân – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 180/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Cẩm T, sinh năm 1985. Địa chỉ: khu phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh L. (có mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc Xuân Đ, sinh năm 1981. Địa chỉ: khu phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh L. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12-6-2020 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Cẩm T trình bày: Bà T và ông Đ kết hôn vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T, huyện T. Sau khi kết hôn bà T về sống chung bên gia đình của ông Đ khoảng 5 năm thì vợ chồng làm nhà ở riêng. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng không tin tưởng nhau nên thường hay cãi vã. Tháng 6-2020 bà T thuê nhà trọ ở riêng không sống chung với ông Đ, vợ chồng không đoàn tụ được, vì vậy bà T yêu cầu được ly hôn với ông Đ. Về con chung, bà T và ông Đ có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Vân T, sinh ngày 31-8-2002 và Nguyễn Huỳnh Phú Q, sinh ngày 30-3-2012. Khi ly hôn bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con, ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con vì hiện tại bà T có khả năng. Về tài sản chung có đất ở và nhà ở tại khu dân cư A, thị trấn T do ông Đ

đứng tên, tài sản chung và nợ chung hai bên tự thỏa thuận, khi ly hôn bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn là ông Nguyễn Ngọc Xuân Đ trình bày: Ông Đ kết hôn và chung sống với bà T vào năm 2002, có đăng ký kết hôn như lời trình bày của bà T. Thời gian chung sống vợ chồng có mâu thuẫn do tính tình không hợp, mỗi khi ông Đ có uống rượu thì vợ chồng cãi nhau. Hiện tại bà T đã bỏ nhà đi không sống chung với ông Đ, nay bà T xin ly hôn thì ông Đ không đồng ý vì con còn nhỏ. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông Đ đồng ý giao 02 con chung cho bà T trực tiếp nuôi, ông Đ không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung có đất ở và nhà ở tại khu dân cư A, thị trấn T do ông Đ đứng tên, tài sản chung và nợ chung hai bên tự thỏa thuận, ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Long An: Quá trình thụ lý vụ án Thẩm phán và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự phiên tòa sơ thẩm. Về quan điểm giải quyết vụ án: Do hôn nhân giữa bà T và ông Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, cho bà T được ly hôn với ông Đ. Về con chung, giao bà T trực tiếp nuôi 02 con chung theo nguyện vọng của con. Ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do bà T từ chối. Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện bà Huỳnh Thị Cẩm T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc Xuân Đ, do vậy xác định tranh chấp giữa bà T với ông Đ là tranh chấp về ly hôn. Căn cứ theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An có thẩm quyền giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của bà T: Hôn nhân giữa bà T và ông Đ xác lập cơ sở tự nguyện, tổ chức lễ cưới vào năm 2002, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T, huyện T vào ngày 28-8-2003 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 104 quyền số 1/2003. Sau khi kết hôn bà T về sống chung bên gia đình của ông Đ được 5 năm thì vợ chồng làm nhà ở riêng. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng không tin tưởng và tôn trọng nhau nên bất đồng ý kiến. Từ tháng 6-2020 đến nay bà T không sống chung với ông Đ, vợ chồng không có khả năng đoàn tụ. Do hôn nhân giữa bà T và ông Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vì vậy chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, cho bà T được ly hôn với ông Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Bà T và ông Đ có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Vân T, sinh ngày 31-8-2002 và Nguyễn Huỳnh Phú Q, sinh ngày 30-3-2012. Khi ly hôn bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con, ông Đ đồng ý giao bà T nuôi con, nguyện vọng của con chung muốn ở với mẹ, vì vậy giao bà T trực tiếp nuôi 02 con chung theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Do bà T từ chối nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của ông Đ, vì vậy ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con. Ông Đ có quyền thăm, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông Đ không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì bà T phải chịu 300.000 đồng án phí về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Áp dụng khoản 1 Điều 56 và các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Huỳnh Thị Cẩm T đối với ông Nguyễn Ngọc Xuân Đ.

Về hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Cẩm T được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc Xuân Đ.

Về nuôi con chung: Giao bà Huỳnh Thị Cẩm T trực tiếp nuôi 02 con chưa thành niên là Nguyễn Ngọc Vân T, sinh ngày 31-8-2002 và Nguyễn Huỳnh Phú Q, sinh ngày 30-3-2012. Ông Nguyễn Ngọc Xuân Đ không cấp dưỡng nuôi con và được quyền thăm, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con chung cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

2- Về tài sản chung: Không giải quyết.

3- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị Cẩm T phải chịu 300.000 đồng và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0007241 ngày 01-7-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Long An, bà T đã nộp đủ tiền án phí.

4- Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 27-8-2020).

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 và 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND thị trấn T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Trần Quốc Tiến